TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh và Ông Trần Đình Thân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 50/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú cuối cùng trước khi mất tích: xóm H, xã L, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa, chị Trần Thị P trình bày:

Chị Trần Thị P và anh Phan Văn H tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P (nay là thị xã P, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn chị P và anh H về tại gia đình của anh H (chỉ còn mẹ anh H) ở xã L, huyện Hương Khê, chung sống hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do của việc mâu thuẫn là sau khi chị P sinh con thì giữa vợ chồng thường xuyên cãi vả, anh H không chăm lo đến gia đình con cái. Sau đó, vì không thể chung sống được với chồng và mẹ chồng nên tháng 3 năm 2014 chị P đã đưa con bỏ về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Thái Nguyên sinh sống và cắt đứt mọi liên lạc đối với anh H. Sau khi mẹ

con chị P về Thái Nguyên sinh sống thì anh H cũng không quan tâm gì và bỏ mặc mẹ con chị P. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cuối năm 2017 chị P đã trở về tìm anh H để giải quyết việc xin ly hôn. Tuy nhiên, khi về tại nhà anh H ở xã L, huyện Hương Khê thì chị P mới biết anh H cùng với mẹ anh H đã không còn sinh sống tại xã L nữa. Qua tìm hiểu từ anh em người nhà anh H thì chị P được biết sau khi chị P cùng con về tỉnh Thái Nguyên sinh sống thì vào khoảng giữa năm 2014 anh H cùng với mẹ đã bỏ đi khỏi địa phương và đi đâu, làm gì thì anh em của mẹ anh H cũng như chính quyền địa phương hoàn toàn không biết.

Ngày 07/12/2017 chị P làm Đơn yêu cầu tuyên bố một người là mất tích đối với anh Phan Văn H. Ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Hương Khê đã chấp nhận yêu cầu của chị P và ban hành Quyết định số 02/2018/QĐDS-ST về việc Tuyên bố một người là mất tích.

Nhận thấy hôn nhân của mình và anh H không có hạnh phúc, từ tháng 4 năm 2014 đến nay chị P không biết anh H ở đâu nên việc duy trì hôn nhân là không thể, nên chị P yêu cầu Tòa giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn H

Về con chung: chị P và anh H có một đứa con chung là: Phan Thị Ngọc M, sinh ngày 10/3/2014 hiện đang sinh sống cùng với chị P từ nhỏ đến nay. Chị P có nguyện vọng xin nhận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị P yêu cầu ly hôn anh Phan Văn H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại xã L, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối anh H.

[1.3] Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ và đối tượng tranh chấp không thuộc quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, do đó thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Phan Văn H chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống do vợ chồng có mâu thuẫn và đã không sống cùng với nhau từ tháng 3 năm 2014. Việc anh H và chị P không chung sống cùng với nhau đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh H có 01 con chung tên là Phan Thị Ngọc M, sinh ngày 10/3/2014, từ nhỏ đến nay sinh sống cùng chị P, hiện nay anh H ở đâu, làm gì không ai rõ và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Do vậy cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu M cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp thực tế cũng như phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H có quyền đi lại, thăm nom nuôi con không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Trần Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị P, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 khoản Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Thị Ngọc M, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2014 cho chị Trần Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này; đồng thời anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004191 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phan Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- Lưu HS, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Nguyễn Thanh Tùng